

Số: 61/2023/QĐST-HNGĐ

Tp. Cao Lãnh, ngày 25 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 55/2023/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Lê Văn H, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Tổ Z, khóm D, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chị Phạm Thị Bạch N, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Tổ E, ấp U, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Bạch N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (giấy chứng nhận số 12, ngày 09/4/2018) là hợp pháp. Nay các bên thừa nhận tình cảm không còn và thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Bạch N có 01 con chung tên Lê Hải N1, sinh ngày 30/8/2018. Hiện nay con chung đang sống với mẹ là

chị Phạm Thị Bạch N. Sau khi ly hôn, vợ chồng thống nhất giao con chung Lê Hải N1 cho chị Phạm Thị Bạch N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Văn H đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Lê Hải N1, với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 5/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Bạch N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Bạch N phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Bạch N thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Bạch N có 01 con chung tên Lê Hải N1, sinh ngày 30/8/2018. Hiện nay con chung đang sống với mẹ là chị Phạm Thị Bạch N. Sau khi ly hôn, vợ chồng thống nhất giao con chung Lê Hải N1 cho chị Phạm Thị Bạch N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Văn H đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Lê Hải N1, với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 5/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Bạch N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Bạch N tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012178, ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Bạch N đã nộp xong tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TPCL;
- UBND Phường 2, TPCL, ĐT
(Số 12, ngày 09/4/2018);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Thanh Thảo